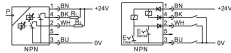


# Cảm biến khe hở khí SOPA-CM1H-R1-WQ6-2N-M12

Số bộ phận: 552142

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                              | Giá trị                                                       |
|---------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Giấy phép                             | Dấu RCM<br>c UL us - Recognized (OL)                          |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)   | theo chỉ thị EMC của EU<br>theo chỉ thị RoHS của EU           |
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp) | theo quy định UK cho EMV<br>theo các quy định UK RoHS         |
| Dấu hiệu KC                           | KC-EMV                                                        |
| Ghi chú vật liệu                      | Tuân thủ RoHS                                                 |
| Kích thước tiếp nhận                  | Khoảng cách                                                   |
| Nguyên tắc đo lường                   | khí nén                                                       |
| Phạm vi phát hiện                     | 20 µm...200 µm                                                |
| Áp suất vận hành                      | 4 bar...7 bar                                                 |
| Áp suất cấp                           | 0.8 bar...1.6 bar                                             |
| Môi chất vận hành                     | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh        | 0 °C...50 °C                                                  |
| Độ chính xác lặp lại theo ± µm        | 2.5 µm                                                        |
| Đầu ra chuyển mạch                    | 2xNPN                                                         |
| Chức năng chuyển mạch                 | Bộ so sánh cửa sổ<br>Giá trị ngưỡng có độ trễ thay đổi        |
| Chức năng phần tử chuyển mạch         | Cơ cấu mở/đóng có thể chuyển đổi                              |
| Dòng điện đầu ra tối đa               | 100 mA                                                        |
| Chống chịu ngắn mạch                  | có                                                            |
| Dải điện áp hoạt động DC              | 22.8 V...26.4 V                                               |
| Tiêu thụ điện tối đa                  | 350 mA                                                        |
| Chống phân cực                        | cho tất cả các kết nối điện                                   |
| Cổng nối điện 1, kiểu kết nối         | Giắc cắm                                                      |
| Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối    | M12x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-101                       |
| Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây      | 5                                                             |
| Cổng nối điện 1, kiểu gắn             | Khóa vít                                                      |

| Đặc tính             | Giá trị                                                            |
|----------------------|--------------------------------------------------------------------|
| Kiểu gắn             | với lỗ xuyên<br>với ray DIN<br>với giá treo tường/bề mặt<br>tùy ý: |
| Cổng nối khí nén     | QS-6                                                               |
| trọng lượng sản phẩm | 510 g                                                              |
| Vật liệu vỏ          | Nhôm anot hóa<br>PA gia cố                                         |
| Kiểu hiển thị        | LCD phát sáng nhiều màu                                            |
| Các tùy chọn cài đặt | Teach-In<br>thông qua màn hình và các nút                          |
| Chống can thiệp      | Khóa điện tử                                                       |
| Mức độ bảo vệ        | IP65                                                               |
| Lớp chống ăn mòn KBK | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                             |
| Tuân thủ LABS        | VDMA24364-C1-L                                                     |